

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK tiếp tục có phiên tăng điểm

## [Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt giảm giá

## [Cổ phiếu tác động đến thị trường]

ACB, VJC

## [Cập Nhật Công Ty]

PNJ, GAS

## [Quan điểm đầu tư]

Tránh mua đuổi, chỉ trải lệnh ở các vùng giá thấp, mua trở lại 1 phần vị thế ngắn hạn nếu chỉ số rơi sâu xuống vùng hỗ trợ 74x

23/04/2020

	Chi số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	773.91	+0.65
VN30	717.49	+0.43
HĐTL VN30	678.90	-1.16
HNXIndex	106.97	+0.16
HNX30	203.04	+0.38
UPCoM	51.74	+0.51
USD/VNĐ	VND23,496	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.14	-3
Lãi suất qua đêm (%)	2.31	+1
Dầu (WTI, \$)	12.28	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,726.90	+0.75



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 773.91 (+0.65%)  
**KLGD (triệu CP)** 189.4 (-15.3%)  
**GTGD (triệu US\$)** 140.1 (-22.5%)

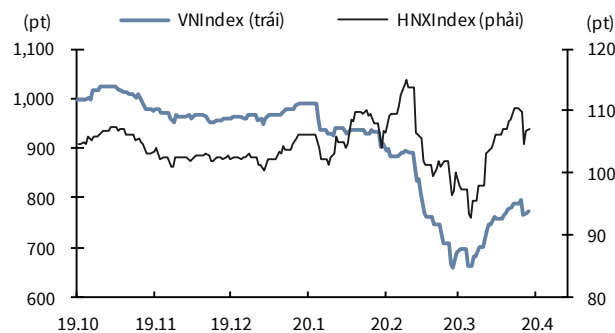
**HNXIndex** 106.97 (+0.16%)  
**KLGD (triệu CP)** 47.1 (+6.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 15.6 (-12.6%)

**UPCoM** 51.74 (+0.51%)  
**KLGD (triệu CP)** 14.7 (-12.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 5.9 (-14.9%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -14.4

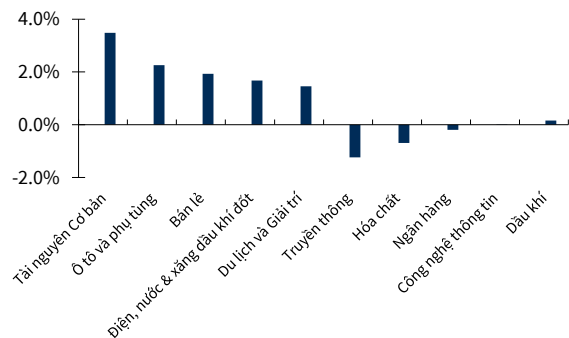
TTCK tiếp tục có phiên tăng điểm hôm nay sau thông tin Thủ tướng Chính phủ quyết định dừng thực hiện cách ly xã hội trên cả nước sau ngày 22/4 (ngoại trừ 1 số huyện của Hà Nội, Hà Giang, Bắc Ninh). Các nhóm cổ phiếu được hưởng lợi từ quyết định trên hồi phục tốt trong phiên hôm nay, có thể thấy ở ngành bia như SAB (+3.2%), BHN (+5.4%)... ngành bán lẻ hàng tiêu dùng không thiết yếu như MWG (+1.8%), PNJ (+1%)... Bộ đôi cổ phiếu ngành hàng không là VJC (+1.1%), HVN (+2.2%) cùng tăng điểm sau thông tin đã có thêm nhiều chuyến bay nội địa được khai thác. Trong khi đó, diễn biến hồi phục của giá dầu thế giới phiên ngày hôm qua cũng giúp nhóm cổ phiếu dầu khí hồi phục tốt sau nhịp giảm sâu trước đó, có thể thấy ở GAS (+2.5%), PVD (+2.1%)... Bộ đôi cổ phiếu đầu ngành thép là HPG (+3.8%) và HSG (+6.8%) tiếp tục tăng giá mạnh trước thông tin về KQKD quý 1 tăng trưởng tích cực bất chấp tác động của dịch Covid-19. Nhóm cổ phiếu ngân hàng có diễn biến phân hóa với VCB (-0.1%), CTG (-0.3%)... giảm điểm, trong khi MBB (+0.3%), TCB (+0.3%)... tăng điểm. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên bán ròng, tập trung ở VNM (-1.4%), VRE (+3.4%), HDB (-1%)...

## VN Index & HNX Index



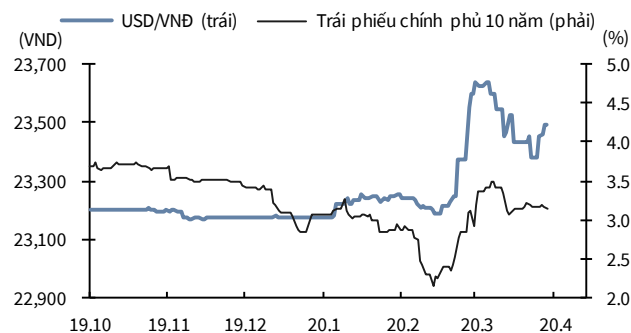
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



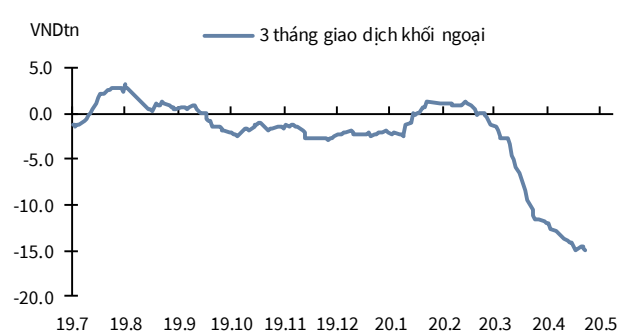
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

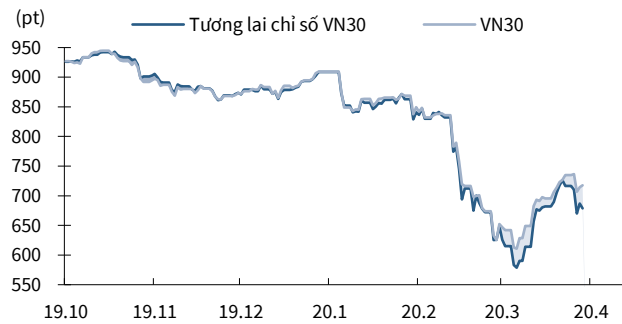
# Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

**VN30** 717.49 (+0.43%)  
**VN30 tương lai** 678.9 (-1.16%)  
**Mở cửa** 691.0  
**Cao nhất** 696.0  
**Thấp nhất** 678.9

**Hợp đồng** 261,099 (+0.6%)  
**KL HĐ mở OI** N/A

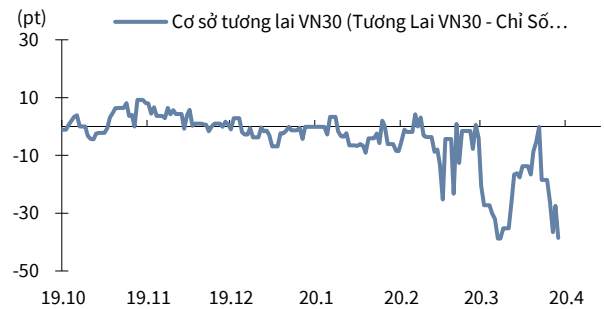
Các HĐTL đồng loạt giảm giá trong phiên hôm nay, trái ngược với diễn biến tăng của chỉ số VN30 Index. Diễn biến trên khiến chênh lệch âm ở F2005 nới rộng lên mức -38.6 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục duy trì ở mức cao. Nhà đầu tư nước ngoài giao dịch với khối lượng tương đối lớn, mua ròng ở F2005.

## HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



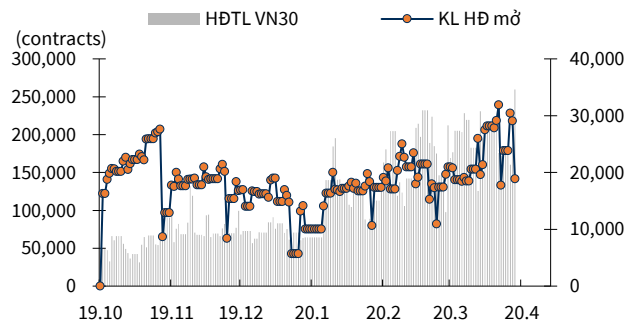
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



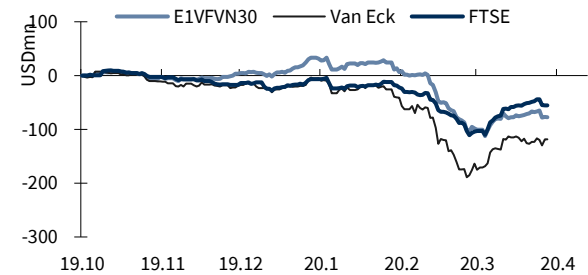
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

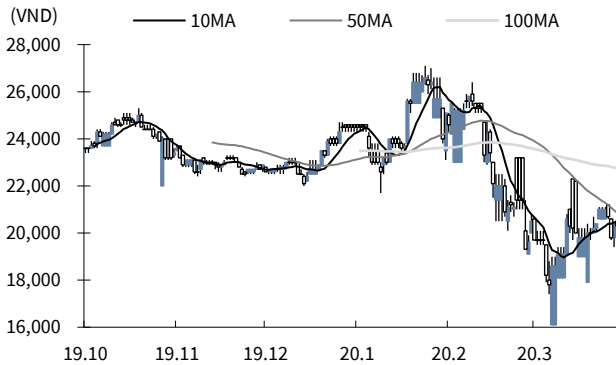
## Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

## Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

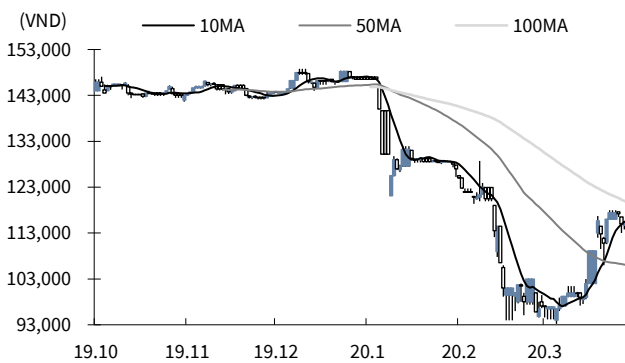


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ACB giảm -0.5% xuống 20,300 VNĐ/cp.

- ACB mới đây công bố KQKD Q1 với lợi nhuận sau thuế đạt 1,537 tỷ (+13% YoY). Trong đó, thu nhập lãi thuần của ACB đạt hơn 3,419 tỷ đồng (+20% YoY). Đáng chú ý, hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư lãi 349 tỷ đồng (gấp 19 lần cùng kỳ) và lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối đạt gần 143 tỷ đồng (+77% YoY). Trong khi đó, chi phí hoạt động tăng lên mức 2,361 tỷ (+31% YoY).
- ACB trích 93 tỷ đồng dự phòng rủi ro tín dụng kỳ này, trong khi cùng kỳ được hoàn nhập gần 16 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của ACB tăng nhẹ từ 0.54% cuối năm 2019 lên mức 0.66% ở thời điểm hiện tại.

## Vietjet (VJC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VJC tăng 1.1% lên 116,400 VNĐ/cp.

- Được sự chấp thuận của Bộ Giao thông Vận tải và Cục Hàng không Việt Nam, từ ngày 23/4, VJC tăng tần suất khai thác các chuyến bay khứ hồi chở khách giữa Hà Nội và TP HCM lên 6 chuyến/ngày; tăng tần suất khai thác các chuyến khứ hồi chở khách giữa Hà Nội/TP HCM và Đà Nẵng lên 3 chuyến/ngày; và khai thác 1 chuyến khứ hồi/ngày với một số chặng bay nội địa khác.
- Bên cạnh đó, VJC cũng triển khai ưu đãi giá vé chỉ từ 9,000 đồng (chưa bao gồm thuế, phí) với tất cả các chặng bay nội địa

# Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ)

## Đóng cửa nhiều cửa hàng gây áp lực lên KQKD Q1

**LNST quý 1/2020 giảm 4% do đóng cửa nhiều cửa hàng nhưng vẫn duy trì tăng trưởng 5% doanh thu**

— LNST Q1/2020 LNST giảm 4% YoY còn 408 tỷ đồng nhưng vẫn hoàn thành 30% kế hoạch lợi nhuận 2020. Mặc dù đóng cửa nhiều cửa hàng, doanh thu Q1/2020 vẫn tăng 5% YoY lên 5,001 tỷ đồng, hoàn thành 26% kế hoạch doanh thu của năm. Việc đóng cửa các cửa hàng ảnh hưởng nặng nề đến KQKD tháng 3, trong đó doanh thu bán lẻ giảm 10% YoY, bán sỉ giảm 6% YoY, bù lại doanh thu vàng miếng tăng mạnh 75% YoY (tăng 15% YoY trong Q1). Ảnh hưởng nặng nề nhất có thể là từ tuần cuối cùng của tháng 3 khi PNJ đóng cửa 85% số cửa hàng, trong đó có tất cả các cửa hàng tại TP HCM và Hà Nội (đóng góp 55% tổng doanh thu). Điều này ảnh hưởng rất lớn lên lợi nhuận, khi 90% lợi nhuận gộp của công ty đến từ mảng bán lẻ trang sức. Trong Q1/2020, biên LNG giảm còn 20.9% so với 21.9% cùng kỳ năm ngoái và biên LNR giảm 80 điểm cơ bản còn 8.2%.

**PNJ đã sẵn sàng các kế hoạch ứng phó dịch Covid-19**

— PNJ đã chuẩn bị và triển khai các giải pháp ứng phó dịch Covid-19, bao gồm: (1) cắt giảm chi phí lương, BĐH tự nguyện giảm 50% thu nhập, các cấp quản lý và nhân viên tự nguyện nghỉ không lương 2 ngày/tuần; 2) thương lượng lại giá thuê; 3) cơ cấu hàng tồn kho để tập trung vào vàng miếng và trang sức có hàm lượng vàng cao; 4) cơ cấu lại kỳ hạn vay và lãi vay ngân hàng; 5) đẩy mạnh hoạt động bán hàng online, livestream, bán hàng giao tận nhà; 6) tập trung nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm mới để giảm tỉ trọng hàng hóa phải nhập khẩu.

**PNJ sẽ thông báo lại kế hoạch kinh doanh của năm 2020 vào ĐHCĐ sắp tới**

— Công ty đang cân nhắc lại kế hoạch KQKD mới cũng như kế hoạch trả ESOP và sẽ công bố trong ĐHCĐ. Công ty cho biết sẽ cố gắng duy trì cổ tức tiền mặt là 1,800đ/cp. PNJ ban đầu đặt kế hoạch tăng trưởng 12% doanh thu và 13% lợi nhuận sau thuế, với 31 cửa hàng mở mới trong năm 2020.

# Tổng Công Ty Khí (GAS)

## Lợi nhuận Q1 giảm vì giá HSFO và sản lượng khí thấp

### Lợi nhuận Q1 giảm 23.2% vì giá Dầu Mazut nhiều Sulphur (HSFO) và sản lượng khí thấp

— Doanh thu và lợi nhuận Q1 2020 lần lượt đạt 18,638 tỷ VND và 3,028 tỷ VND, giảm 8.8% và 23.2% vì giá HSFO và sản lượng khí thấp. Vì IMO 2020 (tất cả tàu biển phải giảm lượng Sulphur thải ra) và giá dầu trung bình Q1 Brent (-31.8% YoY), giá HSFO trung bình Q1 giảm 29.9% YoY (Giá bán khí = Giá trị lớn nhất của (46% HSFO hoặc giá dầu mua tại mỏ) + chi phí vận chuyển. Tổng sản lượng khí tự nhiên Q1 đạt 2,366.8 triệu m3, thấp hơn cùng kỳ 10.1% do giảm trữ lượng.

### Cảng LNG Thị Vải đang triển khai trong kế hoạch

— Sản lượng khí tự nhiên trong những năm tới sẽ không đáp ứng được nhu cầu điện ngày càng gia tăng. Vì vậy, PV GAS được giao nhiệm vụ vận hành và nhập khí LNG. Cảng Thị Vải đã đi vào giai đoạn xây dựng vào 10/2019 và được kì vọng sẽ nhận dòng khí LNG đầu tiên vào năm 2022 (Giai đoạn 1, công suất 1 triệu tấn LNG/năm). Dự án vẫn đang đi đúng kế hoạch.

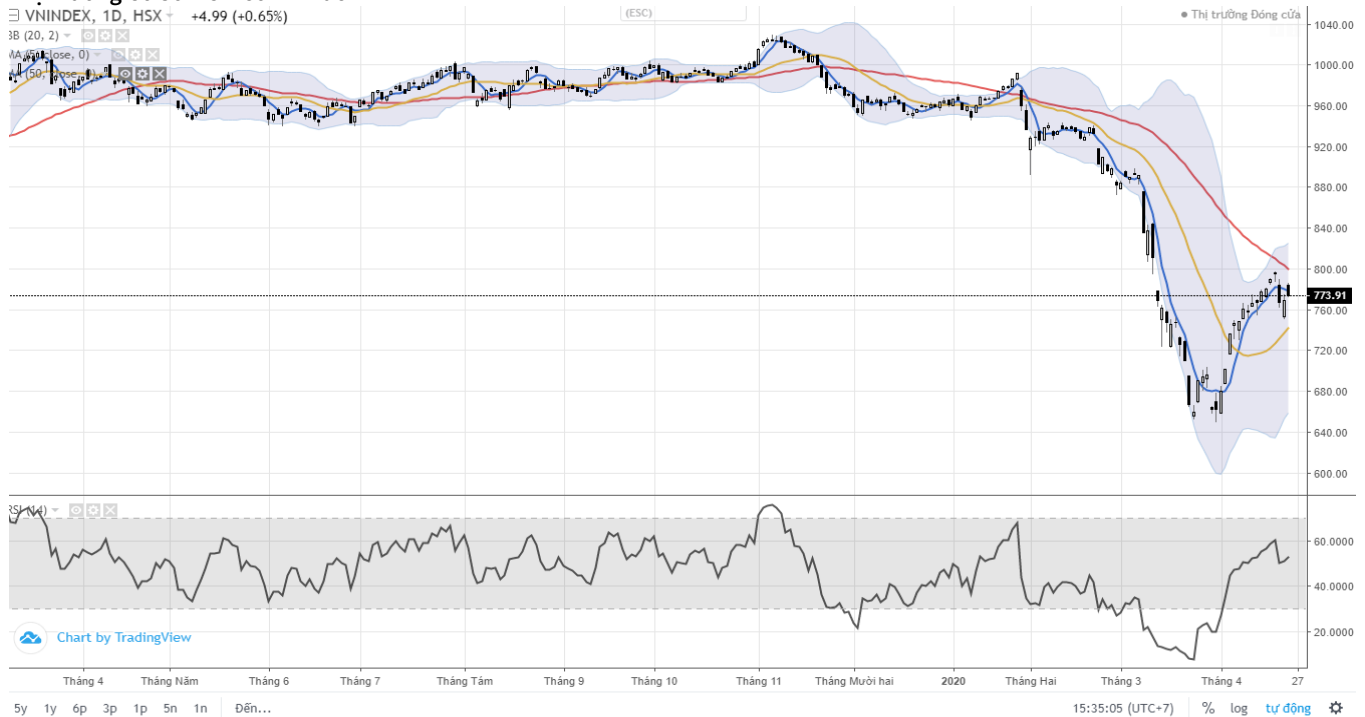
### Không có cập nhật mới về thay đổi công thức giá bán và lợi nhuận bất thường liên quan

— Trong Q1 2020, PV GAS chưa có cập nhật thông tin mới liên quan đến đề xuất thay đổi hàng hóa tham chiếu của giá bán khí (đã được đề cập trong Gặp gỡ chuyên viên phân tích Q4/2019). Trong tình trạng đáng báo động của giá HSFO sau IMO 2020, những hàng hóa cho tham chiếu mới có thể là 1) Dầu thô Brent hoặc 2) Dầu Diesel. Tuy nhiên, việc khủng hoảng giá dầu Brent (kéo đến giá Diesel thấp theo) khiến lợi nhuận kì vọng cũng không khả quan. PV GAS được kì vọng sẽ ghi nhận lợi nhuận bất thường từ việc thay đổi công thức tham chiếu nếu giá dầu phục hồi.

# Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

## Xu Hướng Kỹ Thuật

### Thị Trường Cơ Sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng từ đầu phiên nhưng đã vấp phải áp lực bán tại vùng giá cao khiến đà tăng bị thu hẹp.
- Sau khi trải qua phiên rung lắc mạnh, chúng tôi cho rằng chỉ số đã quay xuống vùng điểm cân bằng và xu hướng đang tạm thời trở nên trung tính trong ngắn hạn.
- NĐT tiếp tục được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ trải lệnh ở các vùng giá thấp, mua trở lại 1 phần vị thế ngắn hạn nếu chỉ số rơi sâu xuống vùng hỗ trợ 74x. Trong trường hợp thị trường tăng chồm vượt đỉnh cũ, việc giảm thiểu tỷ trọng nắm giữ cần được cân nhắc.

## Chỉ Số VN30



## Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30F1M



- Chỉ số VN30 cũng chịu áp lực bán mạnh tại vùng giá cao và tạo mẫu nến không mấy tích cực.
- Sau khi trải qua phiên rung lắc mạnh, chúng tôi cho rằng chỉ số đã quay xuống vùng điểm cân bằng và xu hướng đang tạm thời trở nên trung tính trong ngắn hạn.
- NĐT được khuyến nghị chỉ nắm giữ 1 phần vị thế Short qua đêm, ưu tiên nhiều hơn cho các vị thế trading trong phiên theo cả 2 chiều tại các vùng kháng cự/hỗ trợ gần trên khung giờ.



# KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

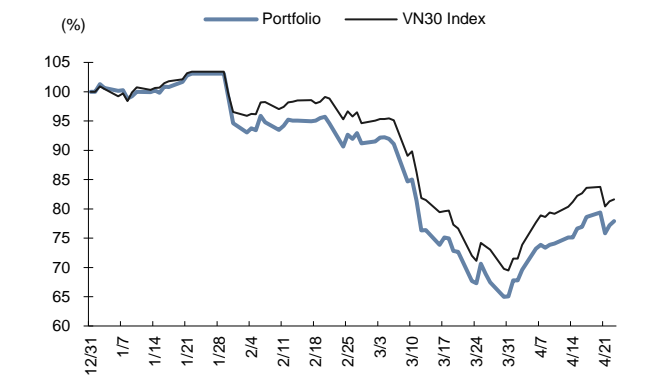
Khối Phân Tích KBSV

## Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.43%	0.96%
Tăng lũy kế (YTD)	-18.38%	-22.09%

## So Sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 23/04/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	83,500	1.8%	-28.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	21,650	0.5%	-19.2%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	59,400	1.0%	-22.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	16,150	0.3%	-18.1%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	29,500	0.2%	-13.2%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	51,000	-0.2%	32.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	19,200	-0.3%	-21.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	116,400	1.1%	-9.9%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hướng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá đầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,600	3.8%	-7.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	12,000	1.3%	-12.4%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	3.9%	36.7%	25.1
VHM	1.8%	14.7%	20.2
HCM	0.9%	54.4%	7.5
MSN	0.0%	36.0%	2.9
HQC	0.9%	3.3%	2.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-1.4%	58.7%	-91.1
VRE	2.3%	31.8%	-50.7
HDB	-1.0%	21.8%	-30.0
VCB	-0.1%	23.7%	-28.8
VPB	-1.5%	23.1%	-26.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
ART	0.0%	5.6%	2.5
HAD	9.3%	9.4%	1.2
INN	-2.8%	9.6%	0.3
SDT	3.6%	7.8%	0.1
SLS	0.4%	3.4%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	2.6%	15.0%	-6.9
LAS	3.5%	4.0%	-2.9
SHB	1.2%	8.1%	-1.3
BVS	1.1%	28.1%	-1.2
TIG	0.0%	15.5%	-0.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	8.5%	YEG, PNC
Bán lẻ	8.1%	MWG, FRT
Tài nguyên Cơ bản	6.1%	HPG, HSG
Du lịch và Giải trí	4.9%	HVN, VJC
Hóa chất	4.1%	DCM, DPM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-3.2%	VCB, VPB
Bất động sản	-2.3%	VIC, VRE
Bảo hiểm	-1.5%	BVH, BIC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.3%	GAS, CHP
Dầu khí	-0.7%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	26.5%	HVN, VJC
Tài nguyên Cơ bản	24.0%	HPG, HSG
Bán lẻ	22.4%	MWG, FRT
Bảo hiểm	17.9%	BVH, BMI
Thực phẩm và đồ uống	15.4%	SAB, MSN

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	6.3%	TPB, EIB
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.9%	LGC, THI
Dầu khí	9.3%	PVD, PLX
Xây dựng và Vật Liệu	10.7%	ROS, CTI
Bất động sản	10.7%	VIC, VRE

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtrỷ (USDtrỷ))	GTGD (VNĐtrỷ (USDtrỷ))	Room còn lại (%, -1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	93,000	314,566 (13.386)	108,087 (4.6)	22.5	42.0	24.9	31.3	8.8	12.4	3.7	3.2	0.5	-3.0	21.1	-19.1
	VHM	VINHOMES JSC	66,600	219,082 (9.323)	58,449 (2.5)	34.3	8.1	6.8	35.4	38.4	32.5	2.6	1.9	1.8	-1.3	12.1	-21.5
	VRE	VNCOM RETAIL JS	24,100	54,763 (2.330)	78,215 (3.3)	17.2	18.0	14.4	14.0	10.8	12.1	1.9	1.7	2.3	-9.1	26.8	-29.1
	NVL	NOVA LAND INVES	52,600	50,998 (2.170)	25,449 (1.1)	32.4	18.9	18.5	-11.3	12.0	11.8	2.1	1.8	0.2	1.3	1.2	-11.6
	KDH	KHANGDIENHOUSE	20,500	11,161 (475)	10,057 (0.4)	4.8	9.7	8.5	16.8	14.6	15.2	1.3	1.2	0.2	-0.5	7.9	-23.8
	DXG	DAT XANH GROUP	9,560	4,960 (211)	25,653 (1.1)	8.5	4.0	3.3	-6.2	14.1	17.6	0.6	0.6	-1.8	3.4	-1.6	-34.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	69,200	256,654 (10.922)	102,129 (4.3)	6.3	14.0	11.7	16.7	21.4	20.4	2.6	2.2	-0.1	-2.8	21.0	-23.3
	BID	BANK FOR INVESTM	36,200	145,597 (6.196)	47,153 (2.0)	12.2	17.5	13.6	13.1	12.8	12.4	1.8	1.6	0.0	-2.9	17.5	-21.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	16,950	59,327 (2.525)	35,671 (1.5)	0.0	5.4	4.7	8.9	17.1	17.6	0.8	0.7	0.3	-3.4	5.0	-28.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	19,200	71,489 (3.042)	121,894 (5.2)	0.3	7.4	5.1	35.2	13.8	17.0	0.9	0.7	-0.3	-3.0	4.1	-8.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	19,900	48,511 (2.064)	85,503 (3.6)	0.3	5.2	4.4	11.8	19.4	18.3	1.0	0.8	-1.5	-8.5	1.5	-0.5
	MBB	MILITARYCOMMERC	16,150	38,945 (1.657)	110,380 (4.7)	0.0	4.3	3.8	19.3	21.5	20.9	0.8	0.7	0.3	-2.1	8.4	-22.4
	HDB	HDBANK	20,600	19,898 (847)	34,133 (1.5)	8.2	5.2	4.5	17.0	21.4	20.7	0.9	0.7	-1.0	-1.7	5.9	-25.2
	STB	SACOMBANK	9,150	16,503 (702)	93,840 (4.0)	12.9	6.1	4.8	39.1	10.1	12.7	0.6	0.5	-0.2	-5.9	0.3	-9.0
	TPB	TIENPHONGCOMME	17,700	14,453 (615)	3,959 (0.2)	0.0	3.9	3.6	44.5	25.7	21.6	0.9	-	0.0	-2.5	-16.9	-15.9
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,300	18,810 (800)	6,709 (0.3)	0.0	20.3	20.8	18.6	5.8	5.3	1.1	1.1	-0.6	1.0	-4.4	-14.0
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	47,300	35,112 (1.494)	33,145 (1.4)	20.2	28.8	21.2	1.0	6.9	9.0	1.8	1.7	0.6	-2.0	46.4	-31.0
	BMI	BAOMINHINSURANC	20,200	1,845 (079)	7,099 (0.3)	12.7	-	-	-	-	-	-	-	-3.8	2.8	27.4	-18.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	13,300	7,992 (340)	46,402 (2.0)	48.6	8.2	7.5	-11.9	10.5	10.6	-	-	0.0	-0.4	19.6	-14.5
	VCI	VETCAPITAL SEC	18,800	3,089 (131)	6,945 (0.3)	66.0	-	-	-	14.1	-	-	-	2.7	0.5	11.2	-36.3
	HCM	HOCHIMINH CITY	16,900	5,159 (220)	31,450 (1.3)	45.6	9.9	5.8	-16.4	11.5	17.7	1.1	1.0	0.9	2.7	30.0	-20.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	11,100	2,315 (099)	9,730 (0.4)	11.3	-	-	-	10.4	-	-	-	-0.4	-5.1	-6.3	-22.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	96,100	167,346 (7.121)	153,962 (6.5)	41.3	17.0	15.7	3.7	38.2	38.9	5.7	5.2	-1.4	-3.2	14.8	-17.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	180,600	115,815 (4.929)	15,417 (0.7)	36.7	25.2	21.3	7.5	24.3	26.5	5.7	5.1	3.2	14.6	54.1	-20.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	58,200	68,033 (2.895)	105,924 (4.5)	13.0	25.7	20.2	-30.3	7.4	8.3	1.6	1.4	0.0	-4.3	18.3	3.0
	HNG	HOANGANH GIA LA	12,700	14,079 (599)	2,239 (0.1)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.4	0.0	-8.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	116,400	60,975 (2.595)	31,738 (1.4)	11.3	14.4	12.1	-9.5	25.6	27.3	3.5	3.2	1.1	0.3	21.5	-20.4
	GMD	GEMADEPT CORP	17,600	5,226 (222)	7,069 (0.3)	0.0	12.8	11.2	-53.2	7.3	8.3	0.9	0.9	0.6	1.1	15.0	-24.5
	CII	HOCHIMINH CITY	19,250	4,771 (203)	19,489 (0.8)	24.2	10.3	9.4	136.4	9.6	9.7	0.9	0.9	-1.8	-3.8	3.8	-14.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,640	2,066 (088)	75,500 (3.2)	46.5	-	-	-	-	-	-	-	2.0	-9.0	-25.4	-79.0
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	16,150	7,885 (336)	18,475 (0.8)	33.8	9.5	7.1	-12.1	9.6	15.5	1.1	1.1	1.6	0.9	19.6	-16.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	56,700	4,326 (184)	13,025 (0.6)	2.6	8.4	7.6	-39.4	6.4	6.8	0.5	0.5	0.0	-4.5	13.2	10.5
	REE	REE	29,500	9,147 (389)	17,588 (0.7)	0.0	5.4	4.6	-2.8	14.9	15.6	0.8	0.7	0.2	-4.2	6.3	-18.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	65,100	124,598 (5,302)	57,576 (2.5)	45.6	16.5	12.2	-17.6	15.9	20.4	2.5	2.4	2.5	-3.4	20.8	-30.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	19,750	5,686 (242)	8,782 (0.4)	31.4	8.1	7.5	-3.5	17.0	18.0	1.3	1.3	-0.8	3.9	20.8	-8.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,800	7,631 (325)	4,991 (0.2)	32.5	7.7	8.2	-8.0	16.6	15.4	1.2	1.2	1.3	-2.9	16.1	-11.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	21,600	59,639 (2,538)	163,467 (7.0)	12.3	7.2	5.6	-1.7	17.2	19.1	1.1	0.9	3.8	6.7	24.9	-8.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	15,300	5,987 (255)	28,015 (1.2)	32.4	10.6	10.2	-2.8	9.1	7.8	0.7	0.7	-2.5	9.7	38.5	18.1
	DCM	PETROCA MAU FER	7,990	4,230 (180)	8,865 (0.4)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	0.3	22.0	45.0	22.9
	HSG	HOA SENG GROUP	6,790	3,017 (128)	31,260 (1.3)	31.4	7.7	5.8	0.0	7.0	8.5	0.5	0.4	6.9	9.7	31.5	-8.7
	AAA	ANPHAT BIOPLAST	12,450	2,131 (091)	24,123 (1.0)	36.8	5.4	9.1	51.8	14.8	9.0	0.6	0.5	4.2	4.6	26.3	-2.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	40,700	48,466 (2,062)	50,382 (2.1)	6.9	12.9	11.6	6.8	17.0	19.8	2.3	2.0	0.0	-0.7	7.7	-27.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	9,590	4,039 (172)	54,771 (2.3)	34.6	30.9	12.3	-7.6	1.0	2.6	0.3	0.3	2.1	-0.1	17.5	-36.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	10,100	2,843 (121)	20,061 (0.9)	22.5	5.4	4.9	-9.6	11.5	12.2	0.6	0.6	-1.5	4.7	28.5	-39.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	83,500	37,810 (1,609)	140,061 (6.0)	0.0	9.4	7.5	15.5	29.9	30.7	2.4	1.9	1.8	8.6	16.3	-26.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	59,400	13,376 (569)	52,107 (2.2)	0.0	12.4	10.5	7.9	23.6	23.1	2.5	2.1	1.0	0.7	16.0	-30.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	60,200	1,776 (076)	2,312 (0.1)	68.7	25.3	18.4	-28.1	6.8	8.6	1.7	1.5	-1.3	9.1	23.2	62.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	21,600	1,706 (073)	8,760 (0.4)	8.0	11.3	10.4	-33.4	11.1	10.6	1.1	0.9	6.9	30.9	63.0	2.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	42,000	5,691 (242)	23,741 (1.0)	40.4	5.3	5.8	30.3	38.0	30.4	1.9	1.6	0.0	-2.0	9.2	9.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	92,900	12,146 (517)	2,779 (0.1)	45.7	19.3	18.4	4.1	19.2	18.7	3.4	3.2	2.1	4.4	23.0	1.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	59,200	4,441 (189)	1,058 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.3	2.1	11.9	9.0
IT	FPT	FPT CORP	51,000	34,765 (1,479)	104,476 (4.4)	0.3	10.3	8.9	18.3	24.6	25.3	2.2	2.0	-0.2	1.4	14.9	-12.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình  
binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường**

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh  
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh  
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng  
tungla@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu  
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng  
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga  
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công  
conglt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền  
huyenntt@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim  
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung  
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh  
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh  
vinhn@kbsec.com.vn

### **Bộ phận Marketing Research**

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin  
shin.sy@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.